

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 40/2021/DS-ST

Ngày: 30/12/2021.

V/v tranh chấp nợ hui.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2021/QĐST-DS ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bà Lê Thị B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Đông Mỹ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2/ Bà Hồ Thị U, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1986 (vắng mặt).

4/ Bà Võ Thị Bé N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

5/ Bà Võ Trúc M, sinh năm 1978 (vắng mặt).

6/ Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Trần Ngọc T trình bày: Vào ngày 01/8/2019 âm lịch nguyên đơn có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng hụi tháng, nguyên đơn tham gia 01 phần trong tổng số 20 phần hụi. Hụi mỗi tháng khi một lần, khi khai hụi có thành viên đi khai hụi, có thành viên không đi khai hụi, các thành viên trong dây hụi hầu hết biết mặt nhau. Nguyên đơn đã đóng hụi sống được 08 lần được 27.340.000 đồng, khi giao hụi cho bị đơn không có biên nhận. Đối với dây hụi 100.000 đồng mở vào ngày 06/02/2020 âm lịch nguyên đơn tham gia 05 phần trong tổng số 68 phần hụi, hụi này là hụi ngày mỗi ngày khai một lần, có biết được một số thành viên trong dây hụi, khi khai hụi không có các thành viên trong dây hụi họp mặt, chỉ khai hụi rồi chủ hụi gom hụi của các thành viên trong dây hụi. Nguyên đơn là hụi sống đóng được 48 lần số tiền 21.600.000 đồng. Đến ngày 23/3/2020 khi bề cả hai dây hụi bị đơn còn thiếu nguyên đơn 48.940.000 đồng, bị đơn cũng trả được cho nguyên đơn số tiền hụi 8.300.000 đồng. Nguyên đơn Trần Ngọc T yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L trả nợ hụi cho nguyên đơn số tiền 40.640.000 đồng.

Nguyên đơn Lê Thị B trình bày: Vào ngày 01/8/2019 âm lịch nguyên đơn có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng hụi tháng, nguyên đơn tham gia 01 phần trong tổng số 20 phần hụi. Hụi mỗi tháng khi một lần, khi khai hụi có thành viên đi khai

hụi, có thành viên không đi khui hụi, các thành viên trong dây hụi hầu hết biết mặt nhau. Nguyên đơn đã đóng hụi sống được 08 lần được 27.340.000 đồng, khi giao hụi cho bị đơn không có biên nhận. Đối với dây hụi 100.000 đồng mở vào ngày 06/02/2020 âm lịch nguyên đơn tham gia 05 phần trong tổng số 68 phần hụi, hụi này là hụi ngày mỗi ngày khui một lần, có biết được một số thành viên trong dây hụi, khi khui hụi không có các thành viên trong dây hụi họp mặt, chỉ khui hụi rồi chủ hụi gom hụi của các thành viên trong dây hụi. Nguyên đơn là hụi sống đóng được 48 lần số tiền 21.600.000 đồng. Đến ngày 23/3/2020 khi bề cả hai dây hụi bị đơn còn thiếu nguyên đơn 48.940.000 đồng, bị đơn cũng trả được cho nguyên đơn số tiền hụi 8.300.000 đồng. Nguyên đơn Lê Thị B yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L trả nợ hụi cho nguyên đơn số tiền 40.640.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị L trình bày: Đối với hụi của bà Trần Ngọc T, vào ngày 01/8/2019 âm lịch bị đơn có mở dây hụi tháng 5.000.000 đồng, nguyên đơn có tham gia 01 phần hụi (trong giấy ghi hụi ghi là nợ hai xuất) trong tổng số hai mươi phần. Nguyên đơn có đóng được 08 lần hụi sống tổng cộng là 27.340.000 đồng. Bề hụi ngày nào bị đơn không nhớ, nhưng đã trả tiền hụi cho nguyên đơn số tiền 27.340.000 đồng, khi trả tiền hụi không có biên nhận, không có người làm chứng. Dây hụi 500.000 đồng mở vào ngày 06/02/2020 âm lịch như nguyên đơn trình bày không phải dây hụi của bị đơn, bị đơn không có mở dây hụi này. Dây hụi trong sổ hụi ghi ngày 06/02/2020 chữ viết số trong sổ hụi này không phải của bị đơn. Bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn Trần Ngọc T tiền hụi 40.640.000 đồng.

Đối với hụi của bà Lê Thị B có tham gia dây hụi tháng 5.000.000 đồng do bị đơn làm chủ hụi, không nhớ rõ ngày mở hụi và thành viên trong dây hụi, nguyên đơn tham gia 01 phần hụi, nguyên đơn đóng được 08 lần hụi với số tiền 27.340.000 đồng. Đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì bề hụi bị đơn đã trả nợ hụi cho nguyên đơn 27.340.000 đồng khi trả hụi không có biên nhận, không có người làm chứng. Đối với dây hụi 100.000 đồng, nguyên đơn không có tham gia dây hụi ngày nên bị đơn không có thiếu nợ tiền hụi này của nguyên đơn. Những giấy tờ hụi nguyên đơn cho rằng bị đơn ghi nhận tiền hụi, không phải là chữ viết của bị đơn. Bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn Lê Thị B tiền hụi 40.640.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc T buộc bị đơn Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn Trần Ngọc T số tiền nợ hui 27.340.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị B buộc bị đơn Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn Lê Thị B số tiền nợ hui 27.340.000 đồng. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc T, Lê Thị B yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L phải trả cho mỗi người số tiền nợ hui 21.600.000 đồng. Đối với số tiền nợ hui hai nguyên đơn khai bị đơn đã trả được cho hai nguyên đơn mỗi người 8.300.000 đồng, do bị đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thị Trán, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp nợ hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt bị đơn quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Ngọc T và Lê Thị B buộc bị đơn Nguyễn Thị L phải trả cho mỗi người số tiền nợ hui 27.340.000 đồng đối với đây hui 5.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019 âm lịch. Việc mở đây hui của bị đơn không có đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc chốt nợ hui của nguyên đơn với bị đơn cũng không có biên nhận nợ hui. Nhưng bị đơn thừa nhận nguyên đơn Trần Ngọc T và Lê Thị B có tham gia hui, do bị đơn làm chủ đây hui

5.000.000 đồng nguyên đơn mỗi người tham gia một phần hui trong tổng số 20 phần hui, mỗi người đóng được 08 phần hui thì bị đơn bẻ hui. Bị đơn cũng thừa nhận mỗi nguyên đơn đã đóng được cho bị đơn 27.340.000 đồng khi bẻ hui vào ngày 23/3/2020 bị đơn đã trả cho mỗi nguyên đơn số tiền nợ hui 27.340.000 đồng, việc trả nợ hui của bị đơn cho mỗi nguyên đơn không có biên nhận nợ hui, cũng không ai làm chứng và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bị đơn đã trả cho mỗi nguyên đơn mỗi người 27.340.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ cho rằng bị đơn còn thiếu nợ hui mỗi nguyên đơn 27.340.000 đồng và yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền nợ hui và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát buộc bị đơn phải trả cho mỗi nguyên đơn số tiền nợ hui là 27.340.000 đồng là có căn cứ. Đối với dây hui ngày 06/02/2020 âm lịch là hui ngày, loại hui 100.000 đồng, nguyên đơn mỗi người tham gia 05 phần trong tổng số 68 phần hui, mỗi nguyên đơn đóng được 48 lần hui sống thì bị đơn bẻ hui vào ngày 23/3/2020. Nhưng khi bẻ hui nguyên đơn không yêu cầu bị đơn kết nợ hui. Mỗi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui cho nguyên đơn mỗi người 21.600.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận dây hui này, nguyên đơn có đưa ra chứng cứ là sổ hui ghi ngày 06/02/2020 cho rằng chữ viết số trong sổ hui là của bị đơn, bị đơn không thừa nhận chữ viết số trong sổ hui là của bị đơn. Nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ viết số trong sổ hui ngày 06/02/2020. Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định Viện khoa học sự Bộ công an để giám định chữ viết số trong sổ hui ngày 06/02/2020 có phải của bị đơn viết ra hay không. Tại kết luận giám định số 216/C09-P5 ngày 15/10/2021 của Viện khoa học sự Bộ công an kết luận “ Không đủ cơ sở kết luận chữ viết cần giám định trên mẫu ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người viết ra hay không”. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai những người làm chứng, những người làm chứng đều khai có biết các nguyên đơn có tham gia chơi hui do bị đơn làm chủ, nhưng khi bẻ hui không biết bị đơn thiếu nợ hui nguyên đơn là bao nhiêu. Từ những chứng cứ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy rằng không có căn cứ xác định bị đơn có thiếu tiền nợ hui nguyên đơn mỗi người 21.600.000 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ hui này là không có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho mỗi nguyên đơn số tiền nợ hui là 21.600.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền hai nguyên đơn khai, bị đơn đã trả cho mỗi nguyên đơn 8.300.000 đồng. Hai nguyên đơn không xác định được bị đơn đã trả cho phần hui

nào, và bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số: 19/2019/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của mỗi nguyên đơn.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn Trần Ngọc T số tiền nợ hội 27.340.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Buộc bị đơn Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn Lê Thị B số tiền nợ hội 27.340.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

2/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của mỗi nguyên đơn.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Trần Ngọc T buộc bị đơn Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ hội 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Lê Thị B buộc bị đơn Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ hội 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng).

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu 2.734.000 đồng (hai triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn Trần Ngọc T đã nộp 1.016.000 đồng (một triệu không trăm mười

sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0007816 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang như vậy nguyên đơn Trần Ngọc T phải nộp thêm 64.000 đồng (sáu mươi bốn ngàn đồng). Nguyên đơn Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn Lê Thị B đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai số 0007797 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang như vậy nguyên đơn Lê Thị B phải nộp thêm 80.000 đồng (tám mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn Trần Ngọc T phải chịu tiền chi phí giám định chữ viết, số tiền 5.072.000 đồng (năm triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng nguyên đơn đã nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Nguyên đơn được nhận lại chi phí giám định 928.000 đồng (chín trăm hai mươi tám ngàn đồng) nguyên đơn Trần Ngọc T đã nhận xong.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

6/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân